

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	1
1.4. Mục tiêu đào tạo	1
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	2
1.6. Hình thức đào tạo.....	2
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	2
1.8. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.....	3
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng.....	5
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	6
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra.....	6
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	8
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	8
3.3. Khung chương trình	9
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra.....	78
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ	81
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	82
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	94
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	110
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình.....	111

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, đào tạo theo hướng kết hợp lý thuyết và thực hành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Tourism and travel services management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Mã số: **7810103**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism and travel services management**
- Thời gian ban hành chương trình: **2014**
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: **2019**
- Kiểm định chương trình: **Chưa**

1.3. Triết lý đào tạo

Với mục tiêu định hướng người học sau khi ra trường có khả năng lập thân, lập nghiệp, chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn được xây dựng trên cơ sở triết lý đào tạo: “**Thực học - Thực nghiệp**”, để nâng cao giá trị bản thân người học đối với gia đình, cộng đồng và xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, người học không chỉ được trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn được trang bị các kỹ năng mềm. Ngoài ra người học còn được trải nghiệm thực tế cùng với đội ngũ giảng viên

dày dặn kinh nghiệm nên sau khi tốt nghiệp, người học tự tin, chủ động, sáng tạo và có khả năng tự chủ cao.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.

b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn.

c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn.

e) Có năng lực tự chủ trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành lựa chọn phương pháp giáo dục chủ đạo là tiếp cận theo năng lực, là một cách tiếp cận để giảng dạy và

học tập nhằm đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng cụ thể hơn là việc học lý thuyết một cách trừu tượng. Theo đó, các hoạt động dạy và học được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, bảo đảm hình thành các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm phù hợp với từng điểm mạnh, điểm yếu của từng sinh viên. Phương pháp tiếp cận này cũng giúp sinh viên chủ động hơn trong việc đạt được các chuẩn đầu ra theo quy định thông qua việc bồi dưỡng và rèn luyện khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

- Phương pháp giảng dạy: Chương trình dạy học chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại, bao gồm: phương pháp thuyết trình, phát vấn, tình huống, thảo luận và làm việc nhóm, thực hành, tham quan thực tế, thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.

- Phương pháp học tập: Chương trình dạy học được thiết kế nhằm giúp người học chủ động tiếp thu kiến thức, kỹ năng, phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm thông qua các phương pháp học tập lý thuyết kết hợp thực hành, phương pháp học tập trên lớp và ở nhà. Do đó, các phương pháp học tập chủ yếu bao gồm: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; trình bày báo cáo; làm bài tập, thực hành, tham quan thực tế, thực tập, thực hiện đề án nghiên cứu; khóa luận tốt nghiệp; tự học có hướng dẫn.

- Phương pháp đánh giá:

Kết quả học tập được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo học chế tín chỉ hiện hành.

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric. Các Rubric thành phần bao gồm: điểm đánh giá quá trình (điểm các bài kiểm tra, báo cáo, bài tập, bài thực hành, chuyên cần, v.v nhân với trọng số); điểm thi giữa kỳ (Đối với học phần có khối lượng từ 4TC trở lên) và điểm thi kết thúc học phần.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

VT1: Quản lý, giám sát, điều hành, tổ trưởng trong các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.

VT2: Hướng dẫn viên, thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, nhân viên kinh doanh, nhân viên tổ chức sự kiện – hội nghị, nhân viên tư vấn, chăm sóc khách hàng,... tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành,

khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử, các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.

VT3: Chuyên viên tại các bộ phận quản lý về du lịch và khách sạn ở các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc tổng cục du lịch, vụ lễ hành, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương. Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng. Tư vấn viên tại các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về du lịch và khách sạn.

VT4: Trợ giảng, giảng viên trong các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo liên quan đến ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành.

VT5: Tự thành lập và điều hành các công ty dịch vụ du lịch và lễ hành.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành về Du lịch.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

* Kiến thức chung

(2.1.1) Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.

* Kiến thức chuyên môn

(2.1.2) Hiểu và áp dụng được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

(2.1.3) Áp dụng các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong các doanh nghiệp và tổ chức trong ngành dịch vụ du lịch và lữ hành.

(2.1.4) Áp dụng kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý và hoạt động ngành du lịch như các kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, quản lý và phát triển các loại hình du lịch.

2.2. Kỹ năng

* Kỹ năng chung

(2.2.1) Có kỹ năng ngoại ngữ và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây:

+ Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

- Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

* Kỹ năng chuyên môn

(2.2.2) Thực hiện được các hoạt động của hướng dẫn viên du lịch; thiết kế và điều hành chương trình du lịch, bán và marketing trong các công ty du lịch và lữ hành. Thực hiện ở mức cơ bản các công việc của một nhà quản trị áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành.

(2.2.3) Phân tích môi trường kinh doanh, phát triển, thực hiện, tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, mở rộng ra các dịch vụ có liên quan.

(2.2.4) Thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một doanh nghiệp.

(2.2.5) Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.

(2.2.6) Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

(2.2.7) Thực hiện được kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.

(2.3.2) Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.

(2.3.3) Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

(2.3.4) Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	g
Kiến thức	2.1.1		x				
	2.1.2		x				
	2.1.3		x				
	2.1.4		x				
Kỹ năng	2.2.1				x		
	2.2.2	x		x			
	2.2.3			x			
	2.2.4			x			
	2.2.5			x			

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	g
	2.2.6			x			
	2.2.7			x			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1	x				x	
	2.3.2	x				x	
	2.3.3						x
	2.3.4						x

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	35	26
+ <i>Bắt buộc:</i>	35	26
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	74
• Kiến thức cơ sở ngành	14	11
+ <i>Bắt buộc:</i>	14	11
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
• Kiến thức ngành	54	39
+ <i>Bắt buộc:</i>	39	28
+ <i>Tự chọn:</i>	15	11
• Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	18	14
+ <i>Bắt buộc:</i>	0	0
+ <i>Tự chọn:</i>	18	14
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	11

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA														
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	1	-	1	2	1	1	-	1	1	1	3	3	1	1
- Kiến thức cơ sở ngành	1	3	2	1	-	1	2	3	2	2	1	3	3	2	1
- Kiến thức ngành	1	2	3	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2
- Kiến thức chuyên ngành	1	2	3	3	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
- Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	1	2	3	3	-	3	3	2	3	3	1	3	3	3	3
- Kiến thức không tích lũy	1	-	-	-	3	-	-	-	2	1	-	3	3	-	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		35					
I.1	Các học phần chung		19					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích được các vấn đề cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Lấy được ví dụ minh họa cho những nội dung cụ thể trong triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Phân tích được những nội dung cơ bản của của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. + Vận dụng được những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào thực tiễn. <p>Đánh giá về một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác-Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng. + Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học. 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước.</p>				
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày, giải thích những kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>+ Phân tích, đánh giá được bản chất các phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản trong nền sản xuất hàng hóa, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về kinh tế chính trị.</p> <p>Vận dụng kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong giải quyết một</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn. 				
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. + Lấy được một số ví dụ trong thực tiễn để minh họa cho những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Vận dụng được một số vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn. + Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. + Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học. 	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>- Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phân biện.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>				
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>- Về kiến thức: + Trình bày, phân tích và chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan. + Phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập đến nay; vận dụng và đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề hiện nay.</p> <p>- Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng đấu tranh, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... theo chủ trương của Đảng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				trách nhiệm: + Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; Hành động có trách nhiệm để bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng. + Nhận thức và hành động đúng trong học tập và rèn luyện, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	- Về kiến thức: + Trình bày, phân tích được khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Về kỹ năng: + Có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy lý luận. + Vận dụng được một số vấn đề lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, cuộc sống và nghề nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có phẩm chất đạo đức tốt và lối sống lành mạnh. Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. + Có tinh thần yêu nước, tự giác, tự nguyện đóng góp	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				sức lực và trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	<p>* Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng + Nhận diện được từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ để hỏi, các từ chỉ tên các nước và quốc tịch, động từ chỉ hoạt động hàng ngày, ngày tháng năm, thập kỷ và thế kỷ. + Giải thích được khái niệm trạng từ tần suất, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, + Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. - Ngữ pháp + Nhận diện được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. + Phân biệt được cách sử dụng của các thì và cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp. + Vận dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn và làm bài tập. <p>* Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đọc: + Làm theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. + Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. + Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nói và viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nghe + Làm theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. + Vận dụng các động từ, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. + Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. + Phát triển nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. <p>- Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. + Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. + Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề. <p>- Kỹ năng nói</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm theo hướng dẫn của GV để giới thiệu bản thân và giao tiếp hàng ngày. + Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. + Kết hợp các câu ngắn để thành lập 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài. <p>* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. + Tích cực tham gia vào 				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>các hoạt động GV giao trên lớp</p> <p>+ Chia sẻ ý kiến, quan điểm và kiến thức với GV và các SV khác.</p> <p>+ Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.</p>				
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	<p>* Về kiến thức:</p> <p>- Liệt kê được các từ vựng liên quan đến hoạt động giải trí, lễ hội, nghề nghiệp, ngoại hình, ước mơ, tham vọng, đặc điểm địa lý.</p> <p>- Phân biệt được các âm cơ bản trong tiếng Anh, các dạng câu hỏi, cụm từ chỉ thời gian, các từ vựng so sánh.</p> <p>- Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.</p> <p>- Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.</p> <p>- Giải thích được cách sử dụng của thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, động từ khuyết thiếu, câu hỏi có từ hỏi, các mẫu câu so sánh.</p> <p>- Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.</p> <p>* Về kỹ năng:</p> <p>- Kỹ năng đọc</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu.</p> <p>+ Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>dung của bài đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. + Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. - Kỹ năng nghe + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. + Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. + Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. + Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. - Kỹ năng viết + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. + Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. + Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề. - Kỹ năng nói + Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hàng ngày. + Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. + Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng 				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn.</p> <p>+ Phát triển các câu ngắn thành 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài.</p> <p>* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.</p> <p>- Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp.</p> <p>- Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác.</p> <p>- Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.</p>				
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	<p>* Về kiến thức:</p> <p>- Từ vựng</p> <p>+ Liệt kê được các từ vựng liên quan đến cuộc sống giữa quá khứ và hiện tại, sức khỏe, tai nạn, các danh từ chỉ vật thể thiết yếu, hàng ngày, các tính từ chỉ tính cách con người, danh từ chỉ nghề nghiệp, các mệnh giá tiền tệ trên thế giới.</p> <p>+ Phân biệt thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn.</p> <p>+ Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.</p> <p>- Ngữ pháp</p> <p>+ Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.</p> <p>+ Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>TO, thì quá khứ hoàn thành và hiện tại hoàn thành, thể bị động của thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn.</p> <p>+ Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.</p> <p>* Về kỹ năng:</p> <p>- Kỹ năng đọc</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu.</p> <p>+ Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc.</p> <p>+ Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc.</p> <p>+ Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng nghe</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.</p> <p>+ Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài.</p> <p>+ Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.</p> <p>+ Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.</p> <p>- Kỹ năng viết</p> <p>+ Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép.</p> <p>+ Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu.</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. + Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề. * Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau. 				
		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:</p> <p>* Phần bắt buộc (3TC)</p> <p>(1) Thể dục (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.</p> <p>(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.</p> <p>(3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông,</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Bóng rổ, Bơi lội, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
		<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
I.2	Các học phần bắt buộc của trường		4					
9	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát hóa được những vấn đề nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; những nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và Pháp luật về phòng chống tham nhũng.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức đã học đã học để:</p> <p>+ Xác định nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu, hình thức, bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.</p> <p>+ Phân biệt được các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>+ Giải quyết bài tập tình huống pháp luật.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực của đời sống phục vụ nhu cầu bản thân và cộng đồng.</p> <p>+ Có năng lực làm việc</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>theo nhóm hoặc làm việc độc lập khi giải quyết tình huống pháp luật.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được vị trí của bản thân trong các mối quan hệ xã hội, thực hành sống, học tập và làm việc theo pháp luật.</p>				
10	CTKU101	Tin học đại cương	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin.</p> <p>+ Áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng.</p> <p>+ Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông như: hệ điều hành, mạng máy tính và Internet.</p> <p>+ Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.</p> <p>+ Hoàn thành các bài tập về nhà, nâng cao tính tích cực trong việc học và tự học.</p>	21	9	60	
I.3	Các học phần của ngành		12					

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
11	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tóm tắt và phân tích được các kiến thức tổng quan về kinh tế học, thị trường, cầu cung hàng hóa và giá cả,</p> <p>+ Giải thích được hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất.</p> <p>+ Phân biệt được các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này.</p> <p>+ Phân tích được những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.</p> <p>Sử dụng các kiến thức về thị trường để phân tích, nhận định tình hình giá cả biến động trong từng thị trường trong một số tình huống thực tế đơn giản.</p> <p>+ Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.</p> <p>+ Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. 				
12	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Tóm tắt và phân tích được khái niệm kinh tế vĩ mô, giải thích được các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô, tổng cầu và tổng cung; phân tích các nội dung về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế. + Phân biệt được tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ. + Phân tích được lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở. - Về kỹ năng: + Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau, và phân tích một số tình huống kinh tế thực tế đơn giản. + Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.				
13	KĐTO105	Toán kinh tế	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các khái niệm, tính chất cơ bản trong Toán kinh tế. + Nhận diện được các biểu thức, công thức trong Toán kinh tế. + Giải được các bài toán cơ bản trong phân tích kinh tế + Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập. + Xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức cơ bản của Toán kinh tế với kiến thức chuyên ngành. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Làm theo hướng dẫn của GV để làm bài tập + Sử dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập về đại số và giải tích + Nắm vững kiến thức Toán cao cấp để áp dụng trong các chuyên ngành khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao. + Chia sẻ ý kiến, quan điểm, kiến thức với GV và các SV khác. + Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về Toán kinh tế vào các lĩnh vực chuyên môn 	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
14	KTKH103	Kinh tế số	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông.</p> <p>+ Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ thông tin truyền thông.</p> <p>+ Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến.</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông.</p> <p>+ Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ thông tin truyền thông.</p> <p>+ Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến.</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tuân thủ theo nguyên tắc và thích nghi với môi trường làm việc.</p> <p>+ Ứng dụng được các kiến</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				thức đề thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.				
15	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh. - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức về khởi sự kinh doanh để lập kế hoạch kinh doanh; tạo lập doanh nghiệp. + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế khởi tạo, thành lập doanh nghiệp. + Phân tích, đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 	30		60	
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98					
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		14					
16	KTDL101	Tổng quan du lịch	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề cơ bản về du lịch, các bộ phận cấu thành của hoạt động du lịch, sự hình thành và phát triển ngành du lịch, các tổ chức du lịch. 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>Phân tích được động cơ và các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch.</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về thời vụ trong du lịch. Phân tích được các nhân tố tác động đến thời vụ trong du lịch từ đó đề xuất một số giải pháp hạn chế sự tác động bất lợi của tính thời vụ du lịch. Phân biệt được các yếu tố cấu thành của một điểm đến du lịch, trình bày được hoạt động quản lý điểm đến du lịch.</p> <p>+ Phân tích được sự tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường. Trình bày được thực trạng hoạt động quy hoạch và phát triển du lịch. Đề xuất một số biện pháp giảm sự tác động bất lợi của tính thời vụ du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
17	KTKT101	Tài chính - Tiền tệ	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về Tài chính Tiền tệ:</p> <p>Nguồn gốc, chức năng của tiền tệ, khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian và hệ thống Ngân hàng.</p> <p>+ Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế.</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế, dự báo ảnh hưởng của sự biến động thị trường tài chính.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được tìm kiếm các văn bản, tài liệu, điều luật trong lĩnh vực tài chính tiền tệ vào giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, đánh giá các vấn đề cơ bản chung về tài chính tiền tệ, đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>các chủ thể trong nền kinh tế.</p> <p>+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý công việc.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
18	KTKD105	Quản trị học	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị bao gồm khái niệm, vai trò của: bản chất, chức năng, nhà quản trị, học thuyết quản trị, các chức năng quản trị.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng kiến thức về thông tin quản trị để đánh giá, tổng hợp các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường đến hoạt động quản trị.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe trên</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>				
19	KTKE101	Nguyên lý kế toán	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán.</p> <p>+ Áp dụng được phương pháp kế toán trong kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành.</p> <p>+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức.</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
20	KTDL102	Điểm đến du lịch	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về điểm đến du lịch: lịch sử hình thành điểm đến du lịch, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu điểm đến du lịch.</p> <p>+ Nhận định và đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và thành và phát triển của điểm đến du lịch gồm có yếu tố về tài nguyên du lịch; yếu tố về kinh tế, xã hội, chính trị; yếu tố về cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật.</p> <p>+ Phân tích được những vấn đề cơ bản về tổ chức lãnh thổ du lịch gồm một số khái niệm, hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.</p> <p>So sánh được một số phương pháp phân vùng du lịch.</p> <p>+ Khái quát được các đặc điểm chung của một số tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam.</p> <p>+ So sánh được các đặc điểm giữa các tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới.</p> <p>+ Đánh giá được đặc điểm của các vùng du lịch, tiểu vùng du lịch tại Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng các dữ liệu được cung cấp tại các tổ chức lãnh thổ, các vùng du lịch, tiểu vùng du lịch làm nền tảng kiến thức cho hoạt động hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình du</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lịch trong tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>				
II.2	Kiến thức ngành		54					
2.2.1	Bắt buộc		39					
21	KTDL103	Đạo đức nghề nghiệp	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày khái niệm về đạo đức; một số phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Phân tích cấu trúc của đạo đức; mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội.</p> <p>+ Tổng hợp một số phạm trù cơ bản của đạo đức.</p> <p>+ Trình bày khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và vấn đề đạo đức nghề nghiệp; khái niệm và vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch.</p> <p>+ Phân tích nguồn gốc của vấn đề đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>+ Hệ thống hóa quy tắc ứng xử toàn cầu về đạo đức trong kinh doanh du lịch; quy tắc ứng xử về đạo đức trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam.</p> <p>+ Thiếp lập quy trình nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Hình thành kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả với khách du lịch.</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các kiến thức trong học phần để giao tiếp và ứng xử hiệu quả với khách du lịch phù hợp với quy tắc ứng xử về đạo đức trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
22	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được các vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu trong kinh doanh. + So sánh được các phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu trong kinh doanh. + Trình bày được các phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu nghiên cứu. + Khái quát hóa được quá trình thiết kế nghiên cứu, trình bày báo cáo nghiên cứu. + Vận dụng thiết kế bảng hỏi, thu thập dữ liệu nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu. - Về kỹ năng: + Xây dựng thang đo. + Thiết kế được bảng hỏi + Sử dụng phương pháp chọn mẫu, phương pháp 	30		70	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thu thập dữ liệu phù hợp.</p> <p>+ Lựa chọn được công cụ trình bày kết quả nghiên cứu phù hợp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Sắp xếp, tổ chức các hoạt động trong quá trình nghiên cứu trong kinh doanh.</p>				
23	KTDL104	Tiếng anh chuyên ngành	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Giải thích được “definition of tourism; tour operator”.</p> <p>+ Phân tích được “jobs in tourism; tourist; tour booking; guiding”.</p> <p>+ Phân tích được “guiding”.</p> <p>+ Tổng hợp được “destination and tourist attractions; tour itineraries”.</p> <p>+ Đề xuất được “handling complaints”.</p> <p>+ Tóm tắt được “hotel check – in; hotel check – out”.</p> <p>+ Phân tích được “hotel reservations; restaurants and their services; taking customers' orders”.</p> <p>+ Tổng hợp được “during the meal”.</p> <p>- Về kỹ năng: Có các kỹ năng nghe, nói, đọc viết và xử lý tình huống bằng tiếng Anh</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
24	KTDL105	Quản trị doanh nghiệp du lịch	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày và phân tích được lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh du lịch; khái niệm doanh nghiệp du lịch. + Khái quát hóa được một số vấn đề về quản trị doanh nghiệp du lịch. + Trình bày được khái niệm và vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh du lịch; + Phân tích được các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của doanh nghiệp du lịch; + Đánh giá hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh du lịch; + Khái quát được marketing trong kinh doanh du lịch; + Phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp du lịch; + Đánh giá hoạt động quản trị marketing trong kinh doanh du lịch; + Trình bày khái quát các vấn đề về quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch; + Phân tích được nội dung về quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch; 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá được hoạt động quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch. - Về kỹ năng: + Nắm vững các nội dung về quản trị nhân sự, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Thực hiện các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp du lịch. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
25	KTDL106	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành, kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành. + Tóm tắt được khái niệm, vai trò, quyền lực của nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành. + Phân biệt được các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp. + Xây dựng chuỗi cung ứng trong kinh doanh lữ hành. + Trình bày được chương 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>trình du lịch.</p> <p>+ Phân tích được quá trình xây dựng chương trình du lịch.</p> <p>+ Nhận diện được chất lượng sản phẩm lữ hành.</p> <p>+ Xây dựng hoạt động quản trị hoạt động xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch của doanh nghiệp lữ hành, xây dựng chương trình du lịch.</p> <p>+ Đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được những hoạt động quản trị tác nghiệp chủ yếu trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
26	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	2	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được những khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành nên dịch vụ du lịch. + Giải thích được một số vấn đề quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Phân tích được chức năng, chu trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Tổng hợp các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch. + Trình bày được nội dung đảm bảo; cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch; + Phân tích được các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch. + Nhận diện các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 2000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). + Phân tích bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam. + Đề xuất cách thức áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). + Thực hành áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
27	KTDL108	Quản trị lễ tân	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày khái quát về bộ phận lễ tân; quản trị lễ tân; phân loại khách. Phân tích mối quan hệ của bộ phận lễ tân với các bộ phận khác. + Đề xuất bố trí mặt bằng và quản trị trang thiết bị tại bộ phận lễ tân. + Khái quát hóa trang bị phòng lễ tân. + Hệ thống hóa quản trị nhân sự tại bộ phận lễ tân. + Đề xuất tổ chức đón tiếp khách. + Khái quát hóa quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân. + Hệ thống hóa quản trị quy trình đặt buồng khách sạn; quy trình đăng ký khách sạn; quy trình phục vụ khách trong thời gian lưu trú; quy trình trả buồng khách sạn. + Đề xuất các chỉ tiêu dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân. 	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Sử dụng các kiến thức trong học phần để quản trị các hoạt động cơ bản của bộ phận lễ tân cho phù hợp với đặc thù khách sạn. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
28	KTDL109	Quản trị điểm đến du lịch	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày khái quát về điểm đến du lịch; quản lý điểm đến du lịch. Nhận diện được tầm nhìn và chiến lược của điểm đến du lịch. Phân tích các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch. + Đề xuất kế hoạch hành động phát triển du lịch đối với một điểm đến du lịch cụ thể. + Khái quát hóa về marketing điểm đến du lịch; quy trình thực hiện marketing điểm đến du lịch. + Nhận diện thương hiệu điểm đến du lịch. Phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả marketing điểm đến du lịch. + Trình bày khái niệm và các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến; quản trị 	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>chất lượng điểm đến du lịch.</p> <p>+ Phân tích các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến du lịch; các tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng điểm đến du lịch.</p> <p>+ Tổng hợp kinh nghiệm quản lý điểm đến tại một số điểm đến cụ thể trong nước và trên thế giới.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nắm vững các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch.</p> <p>+ Xây dựng kế hoạch hành động phát triển du lịch đối với một điểm đến du lịch cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
29	KTDL110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày một số vấn đề về kỹ năng và kỹ năng phát triển nghề nghiệp.</p> <p>+ Trình bày nội dung về giao tiếp và các phương tiện giao tiếp.</p> <p>+ Nhận diện các phoang cách giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản.</p> <p>+ Trình bày các nội dung về làm việc nhóm, xây dựng nhóm làm việc, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Tổng hợp được một số kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm. + Phân tích được các nội dung về những yếu tố gây lãng phí thời gian, các bước quản lý thời gian hiệu quả. + Hệ thống hóa được những kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ, kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới. + Tổng hợp được các kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, tìm kiếm việc làm. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. + Thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc. + Thực hiện được kỹ năng tìm kiếm việc làm. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
30	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những khái niệm, bản chất, đặc điểm của quản lý nhà nước; khái niệm quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Phân tích được các chức năng, nguyên tắc và các công cụ trong quản lý nhà nước; vai trò quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Cho ý kiến về hoạt động quản lý nhà nước về du lịch tại địa điểm cụ thể.</p> <p>+ Mô tả quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Phân tích mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Tổng hợp các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay.</p> <p>+ Trình bày được các vấn đề cơ bản về quản lý quy hoạch phát triển du lịch.</p> <p>+ Phân tích được nội dung công tác quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; quản lý kinh doanh du lịch; quản lý hướng dẫn du lịch, xúc tiến du lịch tại một địa điểm cụ thể.</p> <p>+ Đánh giá được hoạt động thanh tra kiểm tra du lịch, hợp tác quốc tế về du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nắm vững nội dung của công tác quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; quản lý kinh doanh du lịch; quản lý hướng dẫn du lịch, xúc tiến</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>du lịch tại các địa điểm cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
31	KTDL112	Tham quan nhận thức 1	1	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm của tuyến điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch.</p> <p>+ Tóm tắt được việc tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng kỹ năng quan sát bước đầu tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin du lịch, tư liệu du lịch trên thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.</p>		80	30	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
32	KTDL113	Tham quan nhận thức 2	1	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm của cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>+ Tóm tắt được việc tổ chức hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng kỹ năng quan sát bước đầu tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin du lịch, tư liệu du lịch trên thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.</p>		80	30	
33	KTDL114	Thực tập nghề nghiệp 1	4	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Khái quát được chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>+ Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du</p>		240	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lich.</p> <p>+ Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được các công việc được giao tại các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</p> <p>+ Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.</p>				
34	KTDL115	Thực tập nghề nghiệp 2	5	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>+ Mô tả được chức năng và nhiệm vụ của đơn vị thực tập là cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>+ Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý của đơn vị thực tập là cơ sở</p>		280	150	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>+ Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</p> <p>+ Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p>				
35	KTDL116	Thực tập nghề nghiệp 3	5	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; khu, điểm du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; cơ sở kinh doanh lưu trú; cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.</p> <p>+ Mô tả được chức năng và</p>		280	150	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nhiệm vụ của đơn vị thực tập. + Phân tích được cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý của đơn vị thực tập. + Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động tại đơn vị thực tập - Về kỹ năng: Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại đơn vị thực tập - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. + Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.				
2.2.2	Tự chọn (chọn 15TC/24TC)		15					
36	KTPT165	Marketing du lịch	3	- Về kiến thức: + Hiểu được thế nào là marketing du lịch, thị trường du lịch, sản phẩm du lịch để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và lễ hành. Phân tích được các chiến lược sản phẩm du lịch, giá sản phẩm, phân phối, xúc tiến dịch vụ sản phẩm du lịch để nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu trong thị trường du lịch. + Vận dụng được những kiến thức đã học để phân	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>biệt các công cụ marketing du lịch trong các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong các doanh nghiệp và tổ chức trong ngành dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức marketing cho sản phẩm du lịch đã học để tổ chức, quản lý và hoạt động ngành du lịch như các kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, quản lý và phát triển các loại hình du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được cách thức nghiên cứu nhu cầu khách hàng để cung ứng dịch vụ marketing du lịch, phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tới các hoạt động của hướng dẫn viên du lịch; thiết kế và điều hành chương trình du lịch, bán và marketing trong các công ty du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức về marketing du lịch sự để phân tích môi trường kinh doanh, phát triển, thực hiện, tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, mở rộng ra các dịch vụ có liên quan.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn.</p> <p>+ Thực hiện thu thập, xử lý</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thông tin, sử dụng về marketing du lịch để thực hành nghiên cứu các công cụ marketing mix đang được áp dụng ở các công ty du lịch và lữ hành.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p> <p>+ Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn.</p> <p>Đề xuất được giải pháp cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch dưới quan điểm marketing.</p>				
37	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được một số vấn đề về tâm lý khách hàng du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch;</p> <p>+ Trình bày được một số vấn đề về hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch;</p> <p>+ Phân tích được một số hiện tượng tâm lý cơ bản của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch;</p> <p>+ Phân tích được một số đặc điểm tâm lý cá nhân; tâm lý xã hội của khách hàng du lịch;</p> <p>+ Đánh giá được một số tác động của tâm lý cá nhân; tâm lý xã hội tới hoạt động du lịch;</p> <p>+ Nhận diện được đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Âu, châu</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>Úc, Bắc Mỹ; châu Á;</p> <p>+ Phân tích được một số đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch tại một quốc gia cụ thể;</p> <p>+ Đánh giá được tác động của một số đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch tại một số quốc gia cụ thể;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nắm vững tâm lý của các đối tượng khách hàng ở các quốc gia. Sử dụng các kiến thức về tâm lý để vận dụng giải quyết các tình huống trên thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
38	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị nhân lực bao gồm các công việc: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>+ Phân tích được thực trạng nhân lực tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương.</p> <p>+ Tổng hợp các phương pháp tạo động lực lao động, kiểm soát nhân lực tối ưu.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị nhân lực, tính toán và trả lương cho người lao động.</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị nhân lực thực tiễn, nhằm thúc góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Đề xuất công tác quản trị nhân lực vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>				
39	KTDL118	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát hóa được các vấn đề cơ bản về xuất nhập cảnh và thị thực.</p> <p>+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về quản trị lưu trú trong du lịch, vai trò</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.</p> <p>+ Phân tích được tác động của thị thực đối với du lịch quốc tế.</p> <p>+ Phân tích đặc điểm của quản trị lưu trú, sản phẩm lưu trú, cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch, bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.</p> <p>+ Tổng hợp quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh, thủ tục xuất cảnh, thủ tục nhập cảnh.</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch.</p> <p>+ Nhận diện được các loại hình kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;</p> <p>Phân tích hoạt động của các bộ phận trong kinh doanh lưu trú.</p> <p>+ Đánh giá được hoạt động quản trị cơ sở lưu trú;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nắm vững các quy trình thủ tục xuất nhập cảnh và lưu trú từ đó thực hành giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
40	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về văn hóa ẩm thực; tập quán và khẩu vị ăn uống; ẩm thực trong xu hướng hội nhập.</p> <p>Nhận diện ẩm thực nhìn từ các góc độ văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế dịch vụ du lịch.</p> <p>Phân tích biểu hiện của văn hóa ẩm thực qua góc độ vật chất và tinh thần.</p> <p>Hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa ẩm thực; các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống.</p> <p>Tổng hợp tập quán và khẩu vị ăn uống theo tôn giáo.</p> <p>Khái quát hóa vấn đề về tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Âu và Châu Mỹ.</p> <p>Phân tích văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực Châu Âu – Mỹ có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam.</p> <p>Thiết kế thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho khách du lịch khu vực Châu Âu – Mỹ.</p> <p>Khái quát hóa vấn đề về tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Á; khái quát về Việt Nam.</p> <p>Phân tích văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực Châu Á có ảnh</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>hường quan trọng với du lịch Việt Nam; văn hóa ẩm thực Việt Nam truyền thống.</p> <p>Thiết kế thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho khách du lịch khu vực Châu Á.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng các kiến thức trong học phần để xây dựng thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho phù hợp với từng đối tượng khách du lịch.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
41	KTDL120	Kinh tế du lịch	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát các quan niệm về du lịch, khách du lịch; hoạt động du lịch và ngành du lịch; cầu du lịch; cung du lịch.</p> <p>+ Tóm tắt được khái niệm và đặc điểm của thị trường du lịch; khái niệm và đặc trưng của tính thời vụ trong du lịch ; đặc trưng của cung, cầu du lịch.</p> <p>+ Phân biệt được thị trường du lịch.</p> <p>+ Phân tích được cơ sở hình thành ngành du lịch; các điều kiện phát triển ngành du lịch; lịch sử phát triển ngành du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành của cầu du lịch; các yếu tố xác định khả năng của cung du lịch; chức năng của thị trường du lịch và những nhân tố tác động đến thời vụ du lịch.</p> <p>+ Xây dựng phương pháp nghiên cứu cầu du lịch và một số biện pháp hạn chế sự tác động bất lợi của tính thời vụ trong du lịch.</p> <p>+ Trình bày được khái niệm và vai trò của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.</p> <p>+ Phân tích được cơ cấu của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; đặc điểm của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và yêu cầu đối với cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.</p> <p>+ Đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.</p> <p>+ Nhận định được vai trò và đặc trưng của nguồn</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhân lực du lịch ; hiệu quả và phân loại hiệu quả và hiệu quả kinh tế du lịch.</p> <p>+ Phân tích được nội dung cơ bản của quản lý Nhà nước phát triển nguồn nhân lực du lịch; nội dung cơ bản của quản lý phát triển nguồn nhân lực ở doanh nghiệp du lịch; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế du lịch; một số yêu cầu và phạm vi phản ánh hiệu quả kinh tế; các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế du lịch.</p> <p>+ Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng: Thực hiện phân tích thị trường du lịch và đánh giá hiệu quả kinh tế trong du lịch.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
42	KTDL121	Quản lý đại lý lữ hành	3	<p>- Về kiến thức: + Khái quát hóa về khái niệm, phân loại, chức năng và trách nhiệm pháp lý của đại lý lữ hành. Phân tích môi trường bên trong và môi trường bên ngoài của đại lý lữ hành. Đề xuất một</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>số chiến lược kinh doanh cho đại lý lữ hành.</p> <p>+ Nhận định được các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành.</p> <p>+ Phân tích các mô hình cơ cấu tổ chức tiêu biểu có thể áp dụng với đại lý lữ hành, các cơ cấu tổ chức mang tính phổ biến của đại lý lữ hành ở Việt Nam.</p> <p>+ Trình bày được hệ thống dịch vụ của đại lý lữ hành. Phân tích hoạt động của đại lý lữ hành. Đánh giá hiệu quả hoạt động của đại lý lữ hành.</p> <p>- Về kỹ năng: Thực hiện được những hoạt động quản lý chủ yếu trong đại lý lữ hành. Xây dựng kế hoạch chiến lược cho các đại lý lữ hành.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
43	KTDL122	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3	<p>- Về kiến thức: + Trình bày khái quát chung về phong tục Việt Nam; tín ngưỡng dân gian Việt Nam. + Nhận diện những phong tục độc đáo ở các địa phương; Các loại tín ngưỡng dân gian truyền</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thông của Người Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích đặc điểm tín ngưỡng dân gian Việt Nam; các loại tín ngưỡng dân gian truyền thống Việt Nam. + Tổng hợp các phong tục độc đáo ở Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. + Trình bày khái quát chung về lễ hội dân gian Việt Nam; các loại lễ hội dân gian truyền thống của người Việt. + Phân tích các đặc trưng của lễ hội Việt Nam. + Tổng hợp các loại lễ hội dân gian truyền thống của người Việt. + Mô tả mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam; bản sắc văn hóa người Việt thể hiện trong phong tục tập quán lễ hội. + Phân tích mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam. + Đánh giá bản sắc văn hóa người Việt thể hiện trong phong tục tập quán lễ hội. <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nắm vững các đặc trưng của lễ hội Việt Nam; mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam. Phát triển phong tục tập quán lễ hội Việt Nam và bản sắc văn hóa người Việt.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. <p>chủ động tìm kiếm tài liệu,</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
II.3	Kiến thức chuyên ngành (chọn 18TC/33TC)		18					
44	KTDL123	Hướng dẫn du lịch	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày các vấn đề cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch; + Phân tích chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu về nghề hướng dẫn viên du lịch; + Phân tích các mối quan hệ trong hoạt động hướng dẫn du lịch; + Đánh giá được những yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch tại một điểm đến cụ thể; + Khái quát hóa được quy trình hoạt động hướng dẫn du lịch; tham quan du lịch. + Xây dựng được quy trình trong tổ chức công tác hướng dẫn du lịch; + Xây dựng được quy trình trong thực hiện nghiệp vụ hướng thăm quan du lịch; + Đánh giá được quy trình tổ chức công tác hướng dẫn du lịch tại một doanh nghiệp cụ thể; + Đánh giá được quy trình trong thực hiện nghiệp vụ hướng dẫn thăm quan du lịch tại một doanh nghiệp cụ thể; - Về kỹ năng: + Thực hiện tổ chức công 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tác hướng dẫn du lịch; + Thực hiện các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
45	KTDL124	Du lịch sinh thái	3	<p>- Về kiến thức: + Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái. Phân tích được quan hệ giữa du lịch sinh thái và phát triển, chất lượng tài nguyên du lịch sinh thái. + Đề xuất mô hình du lịch sinh thái bền vững. + Giải thích được những vấn đề chung về quy hoạch du lịch sinh thái. + Phân tích được những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái, các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái, sản phẩm của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái. + Hệ thống hóa được các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái. + Đề xuất các yêu cầu cần thiết lựa chọn khu vực để phát triển du lịch sinh thái. + Nhận định được những</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái, sự cố và hiểm họa du lịch sinh thái.</p> <p>+ Phân tích những điều kiện để phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam, một số điểm du lịch sinh thái điển hình ở Việt Nam.</p> <p>+ Đánh giá tác động môi trường một khu hay một chương trình du lịch sinh thái.</p> <p>+ Đánh giá về tiềm năng và thực trạng du lịch sinh thái của các khu bảo tồn thiên nhiên và khu du lịch sinh thái biển - đảo ở Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức trong học phần để xây dựng các mô hình du lịch sinh thái cho phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
46	KTDL125	Du lịch văn hóa Việt Nam	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát được các kiến thức cơ bản về văn hóa và du lịch văn hóa Việt Nam;</p> <p>+ Phân tích được các đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa Việt Nam;</p> <p>+ Phân tích được các yếu tố cơ sở văn hóa Việt Nam như văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội;</p> <p>+ Phân tích và tổng hợp được các kỹ năng nhận diện và khai thác giá trị văn hóa;</p> <p>+ Xây dựng được các chương trình du lịch văn hóa, xúc tiến và quảng bá chương trình du lịch văn hóa Việt Nam;</p> <p>+ Xây dựng được các hoạt động tổ chức và hướng dẫn du lịch văn hóa Việt Nam;</p> <p>+ Xây dựng được định hướng phát triển du lịch văn hóa dựa trên các hằng số văn hóa Việt Nam, thực trạng và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam bền vững;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Thực hiện phân tích, tổ chức và hướng dẫn các chương trình du lịch văn hóa.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học; + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận;				
47	KTDL126	Quản trị sự kiện	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về sự kiện, quản trị sự kiện, ngành công nghiệp sự kiện; kế hoạch tổ chức sự kiện. + Phân tích được một số yêu cầu cơ bản và quy trình chung khi lập kế hoạch tổ chức sự kiện. + Hệ thống hóa các hoạt động trong sự kiện. + Tổng hợp quá trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện. + Trình bày được những vấn đề pháp lý của quản trị sự kiện; khái niệm và vai trò của truyền thông marketing sự kiện. + Phân tích các công cụ truyền thông marketing sự kiện. + Tổng hợp nội dung truyền thông marketing sự kiện. + Khái quát hóa được những vấn đề về quản trị hậu cần cho sự kiện; chuẩn bị hậu cần sự kiện; tổ chức triển khai hoạt động của sự kiện. + Nhận diện các sự cố trong sự kiện, dự tính và xử lý các sự cố trong sự kiện. + Hệ thống hóa quy trình chung trong quản trị hậu 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>cần cho sự kiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá hoạt động tổ chức sự kiện; hoạt động sau sự kiện và những tình huống. + Thiết kế tổ chức một số loại hình sự kiện. - Về kỹ năng: + Xây dựng kế hoạch, tổ chức sự kiện. + Sử dụng các kiến thức trong học phần để tổ chức một số loại hình sự kiện cho phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
48	KTDL127	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát hóa được khái niệm về chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch. + Phân tích được về quản lý điều hành chương trình du lịch, nhu cầu du lịch và khả năng cung ứng các dịch vụ du lịch. + Đề xuất những nguyên tắc và một số điểm cần lưu ý khi thiết kế chương trình du lịch. + Xây dựng chủ đề của chương trình du lịch, tuyến hành trình cơ bản, phương 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>án vận chuyên, phương án lưu trú, phương án ăn uống, lịch trình chi tiết.</p> <p>+ Xác định giá thành chương trình du lịch, giá bán chương trình du lịch.</p> <p>+ Đề xuất những điều cần lưu ý khi định giá chương trình du lịch.</p> <p>+ Khái quát hóa được chất lượng và quản lý chất lượng chương trình du lịch.</p> <p>+ Hệ thống hóa quá trình thực hiện chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng chương trình du lịch, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng chương trình du lịch.</p> <p>+ Đề xuất các biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng chương trình du lịch.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch.</p> <p>+ Sử dụng các kiến thức trong học phần để tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.				
49	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát các khái niệm cơ bản trong kinh doanh khách sạn; sản phẩm trong kinh doanh khách sạn; đặc điểm trong kinh doanh khách sạn và đặc điểm về cơ sở vật chất trong kinh doanh khách sạn;</p> <p>+ Khái quát về lịch sử và xu hướng phát triển của kinh doanh khách sạn;</p> <p>+ Phân tích các hoạt động quản trị nguồn nhân lực; marketing và quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn;</p> <p>+ Đánh giá các hoạt động quản trị nguồn nhân lực; marketing và quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn;</p> <p>+ Phân tích được các nội dung của quản trị tổ chức kinh doanh lưu trú; kinh doanh ăn uống; kiểm soát các hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh trong khách sạn;</p> <p>+ Đánh giá được các hoạt động quản trị tổ chức kinh doanh lưu trú; kinh doanh ăn uống; kiểm soát các hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh trong khách sạn;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Có kỹ năng phân tích, tổng hợp giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh khách sạn.</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
50	KTKD166	Thương mại điện tử	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề căn bản của thương mại điện tử như: khái niệm lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử để tổng hợp, đánh giá, và phân tích trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực quản trị khách sạn. + Phân tích, đánh giá tác động của việc ứng dụng thương mại điện tử trong 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành từ đó đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
51	KTDL129	Du lịch bền vững	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về du lịch bền vững, du lịch và môi trường, ý nghĩa của phát triển du lịch bền vững. Phân tích các nguyên tắc đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Đánh giá ảnh hưởng tác động qua lại của du lịch và môi trường, tổng hợp một số thách thức chủ yếu đối với việc thúc đẩy du lịch bền vững.</p> <p>+ Tóm tắt được dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững, các biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến du lịch bền vững. Phân tích một số mô hình du lịch bền vững của các nước, kinh nghiệm phát triển du lịch ở một số quốc gia. Đánh giá tính bền vững của du lịch.</p> <p>+ Phân tích một số tính chất của vùng sinh thái</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhạy cảm, đề xuất các định hướng phát triển du lịch bền vững ở các vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ.</p> <p>- Về kỹ năng: Thực hiện hoạt động lập kế hoạch, xây dựng các mô hình phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
52	KTDL130	Du lịch MICE	3	<p>- Về kiến thức: + Trình bày khái niệm du lịch MICE, điều kiện ra đời và phát triển của du lịch MICE, tình hình phát triển du lịch MICE trên thế giới. + Phân tích được đặc điểm của du lịch MICE, các yếu tố đảm bảo cho sự thành công của du lịch MICE. + Đánh giá được cơ hội cho du lịch MICE Việt Nam phát triển. + Trình bày được các nội dung về nghiên cứu thị trường. + Phân tích các chính sách marketing. + Tổng hợp được các chính sách marketing trong kinh doanh du lịch MICE. + Phân tích được công việc</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>của các bộ phận nghiệp vụ tác nghiệp: tiếp đón – lưu trú, công việc của bộ phận ẩm thực.</p> <p>+ Tổng hợp được các vấn đề kỹ thuật trong kinh doanh du lịch MICE.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng các kiến thức đã học để xử lý các tình huống thực tiễn liên quan đến du lịch MICE như: thực hiện được hoạt động nghiên cứu thị trường, xây dựng được các chính sách marketing, thực hiện được các vấn đề kỹ thuật trong kinh doanh du lịch MICE.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
53	KTPT134	Quản trị quan hệ khách hàng	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu, trình bày và tóm tắt được các kiến thức về quản trị quan hệ khách hàng; cơ sở dữ liệu khách hàng; hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua quy trình tự động hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; thiết lập hệ thống CRM trong doanh nghiệp và các giải pháp</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>nhằm triển khai hệ thống CRM.</p> <p>+ Giải thích được các nội dung của quản trị quan hệ khách hàng.</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức về tổ chức quản trị quan hệ khách hàng vào phân tích và lập kế hoạch chiến lược Marketing, bán hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng, tăng sự hài lòng của khách hàng và giải quyết được xung đột với khách hàng trong lĩnh vực du lịch và lữ hành;</p> <p>+ Đánh giá được hoạt động CRM trong thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng nhận diện và phân tích cơ sở dữ liệu về tiến trình quản trị quan hệ khách hàng, vận dụng các kiến thức về hệ thống CRM để giải quyết tình huống về marketing, bán hàng và chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Thực hiện các bước công việc trong tiến trình quản trị quan hệ khách hàng.</p> <p>+ Hình thành và cải thiện kỹ năng giao tiếp, thảo luận và hoạt động nhóm.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài. Tự giác, có trách nhiệm, chủ động tham gia thảo luận nhóm và phối hợp với các thành viên khác trong</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>lớp/trong nhóm.</p> <p>+ Duy trì việc nghiên cứu, tích lũy kiến thức trong quá trình học.</p>				
54	KTDL131	Lễ tân ngoại giao	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của lễ tân ngoại giao; vị trí, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu của lễ tân ngoại giao.</p> <p>+ Giải thích được khái niệm lễ tân ngoại giao.</p> <p>+ Phân tích được công tác đón tiếp phái đoàn ngoại giao, nghi lễ ngoại giao và phép lịch sự xã giao.</p> <p>+ Tóm tắt được các nội dung chiêu đãi ngoại giao, phát biểu, trang phục, quốc kỳ và quốc ca, quà tặng và đồ lưu niệm, ký sỏ vàng, phiên dịch.</p> <p>Sử dụng kiến thức đã học về phép lịch sự xã giao, nghi lễ ngoại giao để xử lý tình huống trong lễ tân ngoại giao.</p> <p>+ Tổng hợp được các kiến thức về nghi lễ ngoại giao và phép lịch sự xã giao.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Sử dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống thực tiễn liên quan đến công tác lễ tân như: công tác đón tiếp phái đoàn ngoại giao với các nghi thức khác nhau, xử lý các tình huống trong nghi lễ ngoại giao.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp</p>	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>				
II.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		12					
55	KTDL132	Thực tập tốt nghiệp	6	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Khái quát được các vấn đề cơ bản về đơn vị thực tập: Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý, thực trạng về tình hình kinh doanh du lịch lữ hành trong những năm gần đây.</p> <p>+ Phân tích hoạt động của bộ phận thực tập, đặc điểm lao động, yêu cầu nghề nghiệp tại đơn vị thực tập.</p> <p>+ Đánh giá được thực trạng kinh doanh du lịch lữ hành tại đơn vị thực tập trong những năm gần đây. Đánh giá về đặc điểm lao động, yêu cầu nghề nghiệp tại đơn vị thực tập.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được các bước công việc và nắm vững quy trình tác nghiệp tại đơn vị thực tập.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc độc lập trong điều kiện thực tế tại đơn vị thực tập, có trách nhiệm với kết quả công việc của mình.</p> <p>+ Lĩnh hội được kiến thức,</p>		320	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. + Đề xuất được các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, hoàn thiện quy trình tác nghiệp tại đơn vị thực tập.				
56	KTDL133	Khóa luận tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ du lịch và lữ hành.		320	180	
	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp		6					
57	KTDL134	Quản trị chiến lược du lịch	3	- Về kiến thức: + Khái quát hóa những vấn đề cơ bản về quản trị chiến lược du lịch, phân tích môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch. Phân biệt được mục tiêu sứ mạng, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp du lịch. + Trình bày được bản chất của lợi thế cạnh tranh, cách thức tạo dựng và duy trì lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch từ đó đánh giá được lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch. + Phân tích được nội dung các chiến lược cấp doanh nghiệp, chiến lược cấp đơn vị kinh doanh, chiến lược cấp chức năng từ đó đề xuất các chiến lược cụ thể cho doanh nghiệp trong	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận định được cách thức lựa chọn và thực hiện chiến lược cho doanh nghiệp du lịch. + Phân tích các chiến lược trong môi trường kinh doanh du lịch toàn cầu. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững các nội dung của các chiến lược kinh doanh du lịch. + Xây dựng kế hoạch, phương án chiến lược cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				
58	KTDL135	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được tổng quan về tài nguyên và kinh doanh du lịch, nhận diện được mối quan hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch. Xác định được các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch. + Phân biệt được tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch văn hóa. + Đánh giá thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch. 	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Phân loại được các hoạt động kinh doanh du lịch. + Đề xuất được các giải pháp khai thác bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch. - Về kỹ năng: Sử dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để vận dụng trong hoạt động khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên vào các hoạt động kinh doanh du lịch. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. 				

Ghi chú: (*) Các học phần dự kiến sẽ giảng dạy bằng tiếng Anh

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																
I.1	Các học phần chung																
1	Triết học Mác - Lênin	2	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	2	-	-	4
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	2	-	-	4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2	-	-	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2	-	-	3

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															Tổng
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	2	-	-	4
6	Tiếng Anh 1	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	4
7	Tiếng Anh 2	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	4
8	Tiếng Anh 3	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	4
I.2		Các học phần bắt buộc của trường															
9	Pháp luật đại cương	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	2	2	-	-	4
10	Tin học đại cương	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	2	-	-	4
I.3		Các học phần của ngành															
11	Kinh tế vi mô	2	1	-	-	-	-	-	1	1	-	1	2	-	1	-	7
12	Kinh tế vĩ mô	2	1	-	-	-	-	-	1	1	-	1	2	-	1	-	7
13	Toán kinh tế	-	2	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	2	2	-	5
14	Kinh tế số	2	1	-	-	-	1	-	1	1	-	-	2	2	-	-	7
15	Khởi sự kinh doanh	2	1	-	-	1	1	1	-	-	-	1	2	2	1	1	10
II.		Khôi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
II.1		Kiến thức cơ sở ngành															
16	Tổng quan du lịch	-	-	-	1	-	-	2	-	-	-	-	2	-	2	-	4
17	Tài chính - Tiền tệ	-	2	-	-	-	-	-	2	2	-	1	2	2	2	-	7
18	Quản trị học	1	2	-	-	-	-	2	2	-	2	-	2	-	2	-	7
19	Nguyên lý kế toán	-	2	-	-	-	-	-	2	2	-	-	2	2	2	-	6
20	Điểm đến du lịch	-	-	-	1	-	-	-	-	2	-	-	2	-	2	-	4
II.2		Kiến thức ngành															
II.2.1		Bắt buộc															
21	Đạo đức nghề nghiệp	-	2	2	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	2	-	5
22	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	2	2	-	-	4
23	Tiếng anh chuyên ngành	-	-	2	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	4
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch	1	2	2	-	-	-	2	2	-	-	2	2	-	2	-	8

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															Tổng	
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4		
25	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	2	2	-	2	-	5	
26	Quản trị chất lượng du lịch	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	2	2	-	2	-	6	
27	Quản trị lễ tân	-	2	2	2	-	-	2	-	-	-	2	2	-	2	-	7	
28	Quản trị điểm đến du lịch	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	2	2	-	2	-	6	
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	-	2	-	4
30	Quản lý nhà nước về du lịch	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	2	2	-	2	-	6	
31	Tham quan nhận thức 1	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	-	2	2	-	6	
32	Tham quan nhận thức 2	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	-	2	2	-	6	
33	Thực tập nghề nghiệp 1	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	2	2	2	-	7	
34	Thực tập nghề nghiệp 2	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	2	2	2	-	7	
35	Thực tập nghề nghiệp 3	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	2	2	2	-	7	
II.2	Tự chọn (5 HP/8HP)																	
.2																		
36	Marketing du lịch	1	1	1	1	-	2	1	-	1	1	-	2	1	2	-	11	
37	Tâm lý khách hàng du lịch	1	2	2	-	-	2	-	2	-	-	-	2	-	2	-	7	
38	Quản trị nguồn nhân lực	1	2	2	2	-	-	2	2	-	-	-	2	-	-	2	8	
39	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	1	2	2	2	-	2	-	2	-	-	2	2	-	2	-	9	
40	Văn hóa ẩm thực	-	2	2	2	-	-	-	-	-	2	-	2	-	2	-	6	
41	Kinh tế du lịch	-	-	2	2	-	-	2	-	-	-	-	2	-	2	-	5	
42	Quản lý đại lý lữ hành	-	-	2		-	2	-	-	-	-	2	2	-	2	-	4	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															Tổng
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
43	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	-	2	-	2	-	5
II.3	Kiến thức chuyên ngành (6HP/11HP)																
44	Hướng dẫn du lịch	1	2	-	2	-	2	-	-	-	-	-	2	-	2	-	6
45	Du lịch sinh thái	-	-	2	2	-	-	2	-	-	-	-	2	-	2	-	5
46	Du lịch văn hóa Việt Nam	1	2	2	2	-	2	2	-	-	-	-	2	-	2	-	8
47	Quản trị sự kiện	1	2	2	2	-	-	2	-	-	-	2	2	-	2	-	8
48	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	2	-	4
49	Quản trị kinh doanh khách sạn	1	2	2	2	-	2	2	-	-	-	2	2	-	2	-	9
50	Thương mại điện tử	-	1	1	-	-	-	1	1	2	-	1	2	2	2	-	9
51	Du lịch bền vững	-	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	2	-	2	-	4
52	Du lịch MICE	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	2	-	4
53	Quản trị quan hệ khách hàng	1	2	1	-	-	1	-	-	2	1	1	2	1	1	-	10
54	Lễ tân ngoại giao	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	2	-	4
II.4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp																
55	Thực tập tốt nghiệp	-	-	2	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	2	2	5
56	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	2	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	2	2	5
Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp																	
57	Quản trị chiến lược du lịch	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	2	2	-	2	-	5
58	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	2	-	4
Tổng(%)		25 (43)	23 (40)	31 (53)	23 (40)	5 (9)	19 (33)	20 (34)	12 (21)	20 (34)	19 (33)	18 (31)	48 (83)	24 (41)	45 (78)	4 (7)	58 (100)

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bổ theo học kỳ

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ									
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4			
				HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		35										
I.1	Các học phần chung		19										
1	Triết học Mác - Lênin	LCML101	3	3									
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LCML102	2		2								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103	2			2							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT101	2				2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS101	2					2					
6	Tiếng Anh 1	NNTA101	3	3									
7	Tiếng Anh 2	NNTA102	3		3								
8	Tiếng Anh 3	NNTA103	2			2							
	Giáo dục thể chất		4										
	Giáo dục quốc phòng-an ninh		9										
I.2	Các học phần bắt buộc của trường		4										
9	Pháp luật đại cương	LCPL101	2			2							
10	Tin học đại cương	CTKU101	2	2									
I.3	Các học phần của ngành		12										
11	Kinh tế vi mô	KTKH101	3	3									
12	Kinh tế vĩ mô	KTKH102	3		3								
13	Toán kinh tế	KĐTO105	2	2									
14	Kinh tế số	KTKH103	2	2									
15	Khởi sự kinh doanh	KTKD101	2							2			
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98										
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		14										
16	Tổng quan du lịch	KTDL101	3		3								
17	Tài chính - Tiền tệ	KTKT101	2		2								
18	Quản trị học	KTKD105	3		3								
19	Nguyên lý kế toán	KTKE101	3			3							
20	Điểm đến du lịch	KTDL102	3			3							
II.2	Kiến thức ngành		54										
II.2.1	Bắt buộc		39										
21	Đạo đức nghề nghiệp	KTDL103	2							2			
22	Phương pháp nghiên cứu trong kinh	KTKH104	2				2						

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		
				HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
	Việt Nam											
47	Quản trị sự kiện	KTDL126	3								3	
48	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	KTDL127	3								3	
49	Quản trị kinh doanh khách sạn	KTDL128	3								3	
50	Thương mại điện tử	KTKD166	3								3	
51	Du lịch bền vững	KTDL129	3								3	
52	Du lịch MICE	KTDL130	3								3	
53	Quản trị quan hệ khách hàng	KTPT134	3								3	
54	Lễ tân ngoại giao	KTDL131	3								3	
II.4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		12									
55	Thực tập tốt nghiệp	KTDL132	6									6
56	Khóa luận tốt nghiệp	KTDL133	6									6
	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp		6									
57	Quản trị chiến lược du lịch	KTDL134	3									3
58	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	KTDL135	3									3
	Tổng tín chỉ		133	15	17	18	17	17	19	18	12	

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

3TC

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo.

Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin

2TC

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**2TC**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh**2TC**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**2TC**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị;

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tiếng Anh 1**3TC**

Học phần “*Tiếng Anh 1*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ đề chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

7. Tiếng Anh 2**3TC**

Học phần “*Tiếng Anh 2*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành,

quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

8. Tiếng Anh 3

2TC

Học phần “*Tiếng Anh 3*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

9. Pháp luật đại cương

2TC

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

10. Tin học đại cương

2TC

Học phần “*Tin học đại cương*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

11. Kinh tế vi mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh

tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

12. Kinh tế vĩ mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

13. Kinh tế số

2TC

Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế đổi mới, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.

14. Khởi sự kinh doanh

2TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.

15. Toán kinh tế

2TC

Học phần “*Toán kinh tế*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.

16. Tổng quan du lịch

3TC

Học phần Tổng quan du lịch cung cấp cho người học các vấn đề tổng quan về du lịch; động cơ và loại hình du lịch; tính thời vụ trong du lịch; điểm đến du lịch, tác

động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; quy hoạch và phát triển du lịch. Từ đó giúp người học nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

17. Tài chính Tiền tệ

2TC

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính.
- Những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, các phương pháp tính lãi.
- Khái niệm, thành phần của ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp.
- Những vấn đề về thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

18. Quản trị học

3TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

19. Nguyên lý kế toán

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

Học phần này là tiền đề để người học có thể nghiên cứu các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo.

20. Điểm đến du lịch

3TC

Học phần điểm đến du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan về điểm đến du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới, tổ chức lãnh thổ du lịch tại Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có được các dữ liệu du lịch tại các tổ chức lãnh thổ làm tiền đề cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

21. Đạo đức nghề nghiệp

2TC

Học phần Đạo đức nghề nghiệp cung cấp cho người học tổng quan về đạo đức; đạo đức nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch, các quy tắc ứng xử về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch toàn cầu và trong nước.

22. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh **2TC**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. Học phần giới thiệu tổng quan về nghiên cứu trong kinh doanh; xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh; xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi; chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu; đồng thời học phần còn trang bị kiến thức về trình bày báo cáo nghiên cứu, giúp người học vận dụng vào các nghiên cứu trong thực tiễn.

23. Tiếng Anh chuyên ngành **2TC**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức và từ vựng tiếng Anh liên quan đến introduction to tourism, tour booking, guiding, hotel and reservations, restaurant services; đồng thời cung cấp cho người học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh liên quan tới ngành du lịch.

24. Quản trị doanh nghiệp du lịch **3TC**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch như quản trị nguồn nhân lực quản trị marketing; quản trị chiến lược; quản trị tài chính và quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp du lịch

25. Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành **3TC**

Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành.

26. Quản trị chất lượng du lịch **2TC**

Học phần Quản trị chất lượng du lịch cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; kỹ năng thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; những kiến thức về đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Trên cơ sở đó giúp người học có thể vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch.

27. Quản trị lễ tân **2TC**

Học phần Quản trị lễ tân cung cấp cho người học tổng quan về quản trị lễ tân; quản trị nhân sự và trang thiết bị tại bộ phận lễ tân; quản trị hoạt động đón, tiếp khách của bộ phận lễ tân; đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân; hoạt động quản trị lễ tân trong kinh doanh khách sạn.

28. Quản trị điểm đến du lịch **2TC**

Học phần Quản trị điểm đến du lịch cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị điểm đến du lịch; hoạch định điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; quản trị chất lượng điểm đến du lịch. Trên cơ sở đó giúp người học có thể

vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị tại các điểm đến du lịch.

29. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp

2TC

Học phần Kỹ năng phát triển nghề nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Sau khi học xong học phần này, người học vận dụng được các kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng của một số vị trí nghề nghiệp trong du lịch. Học phần này cùng với học phần kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng mềm cơ bản bên cạnh kỹ năng cứng trong chương trình đào tạo.

30. Quản lý nhà nước về du lịch

2TC

Học phần Quản lý nhà nước về du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch; bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; quản lý quy hoạch phát triển du lịch; quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; quản lý kinh doanh du lịch; quản lý hướng dẫn du lịch; xúc tiến du lịch; hợp tác quốc tế về du lịch; thanh tra, kiểm tra du lịch.

31. Tham quan nhận thức 1

1TC

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch; người học bước đầu được tiếp cận thực tế và phần nào hình dung được công việc trong tương lai.

32. Tham quan nhận thức 2

1TC

Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm, đặc điểm và việc tổ chức hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác; người học bước đầu được tiếp cận thực tế và phần nào hình dung được công việc trong tương lai.

33. Thực tập nghề nghiệp 1

4TC

Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết về các tuyến điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khu, điểm du lịch. Những kiến thức về quy trình hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch. Học phần này nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời giúp cho việc nghiên cứu phân kiến thức chuyên sâu tiếp theo của ngành học.

34. Thực tập nghề nghiệp 2

4TC

Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm, đặc điểm và việc tổ chức hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. Những kiến thức về quy trình hoạt động của các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.

Học phần này nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời giúp cho việc nghiên cứu phân kiến thức chuyên sâu tiếp theo của ngành học.

35. Thực tập nghề nghiệp 3

5TC

Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm, đặc điểm của các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, , các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. Những kiến thức về quy trình hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.

Học phần này nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời giúp cho việc nghiên cứu phần kiến thức chuyên sâu tiếp theo của ngành học.

36. Marketing du lịch

3TC

Học phần marketing du lịch gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

37. Tâm lý khách hàng du lịch

3TC

Nội dung học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

38. Quản trị nguồn nhân lực

3TC

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản như: khái niệm, các nội dung cơ bản, các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực); hoạch định nguồn nhân lực (nội dung hoạch định, hoạch định chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp); Phân tích công việc (bản mô tả, bản tiêu chuẩn công việc), tổ chức bộ máy, tổ chức nhiệm vụ nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và tạo động lực cho người lao động.

39. Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú

3TC

Nội dung học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú, thủ tục xuất nhập cảnh, tổng quan về cơ sở lưu trú, một số loại hình cơ sở lưu trú và quản trị kinh doanh lưu trú. Đồng thời học phần cung cấp cho người học những kỹ năng thực hiện các thủ tục xuất nhập cảnh; các kỹ năng quản trị dịch vụ cơ sở lưu trú du lịch

40. Văn hóa ẩm thực

3TC

Học phần Văn hóa ẩm thực cung cấp cho người học tổng quan về văn hóa ẩm thực; tập quán và khẩu vị ăn uống; văn hóa ẩm thực khu vực châu Á và văn hóa ẩm thực Việt Nam.

41. Kinh tế du lịch

3TC

Học phần Kinh tế du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch; thị trường du lịch; cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; lao động trong du lịch và hiệu quả kinh tế du lịch.

42. Quản lý đại lý lữ hành

3TC

Học phần Quản lý đại lý lữ hành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành và quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành. Từ đó giúp người học có kỹ năng quản lý những hoạt động kinh doanh trong đại lý lữ hành. Xây dựng kế hoạch chiến lược cho các đại lý lữ hành.

43. Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam

3TC

Học phần Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức về phong tục Việt Nam; tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam; các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Trên cơ sở đó giúp người học có thể áp dụng vào công việc trong tương lai.

44. Hướng dẫn du lịch

3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn thăm quan du lịch. Đồng thời, học phần cung cấp cho người học những kỹ năng về tổ chức công tác hướng dẫn du lịch và kỹ năng hướng dẫn thăm quan du lịch.

45. Du lịch sinh thái

3TC

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho người học các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái; các kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan đến phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

46. Du lịch văn hóa Việt Nam

3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hóa Việt Nam; các yếu tố cơ sở văn hóa Việt Nam; các kỹ năng nghiệp vụ du lịch văn hóa Việt Nam và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản để nhận diện, khai thác các giá trị văn hóa và xây dựng những định hướng phát triển du lịch văn hóa một cách tích cực dựa trên cơ sở phát triển du lịch văn hóa Việt Nam

47. Quản trị sự kiện

3TC

Học phần Quản trị sự kiện cung cấp cho người học các khái niệm về sự kiện, quản trị sự kiện; các phương pháp và kỹ năng lập kế hoạch tổ chức sự kiện; những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện; quản trị hậu cần cho sự kiện và tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

48. Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch

3TC

Học phần Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương

trình du lịch; các kỹ năng xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.

49. Quản trị kinh doanh khách sạn

3TC

Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổng quan về kinh doanh khách sạn; quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn; quản trị marketing trong kinh doanh khách sạn; quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn; tổ chức kinh doanh lưu trú trong khách sạn; tổ chức kinh doanh ăn uống trong khách sạn; kiểm soát hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh của khách sạn. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học kỹ năng phân tích, tổng hợp giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh khách sạn

50. Thương mại điện tử

3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.

51. Du lịch bền vững

3TC

Học phần Du lịch bền vững cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch và môi trường, phát triển du lịch bền vững, cơ sở khoa học cho phát triển du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững ở những vùng sinh thái nhạy cảm. Từ đó, người học vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển du lịch bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm đến du lịch.

52. Du lịch MICE

3TC

Học phần điểm đến du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan về điểm đến du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới, tổ chức lãnh thổ du lịch tại Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có được các dữ liệu du lịch tại các tổ chức lãnh thổ làm tiền đề cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

53. Quản trị quan hệ khách hàng

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan quản trị quan hệ khách hàng; dịch vụ khách hàng trong quản trị quan hệ khách hàng, hoạch định chiến lược quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng và quan hệ khách hàng với các loại hình marketing, tổ chức quản lý hoạt động chăm sóc khách hàng, và kiểm tra đánh giá, điều chỉnh chiến lược CRM. Kết thúc học phần người học sẽ nắm được các kiến thức nền tảng về hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng, có thể phân tích và khai thác được cơ sở dữ liệu khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua qui trình tự động hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; đồng thời hiểu được quy trình và tiêu chuẩn đánh giá chương trình CRM. Từ đó có thể giải thích, phân tích và đánh giá các tình huống quản trị quan hệ khách hàng

trong thực tiễn, đồng thời vận dụng để đưa ra các quyết định giúp tăng sự hài lòng của khách hàng và quản trị xung đột với khách hàng hiệu quả.

54. Lễ tân ngoại giao

3TC

Học phần lễ tân ngoại giao cung cấp cho người học những kiến thức lí luận và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Tổng quan về lễ tân ngoại giao, đón tiếp phái đoàn ngoại giao, nghi lễ ngoại giao và phép lịch sự xã giao.

55. Thực tập tốt nghiệp

8TC

Học phần thực tập tốt nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức thực tế về hoạt động du lịch nói chung và hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại các tổ chức, doanh nghiệp nói riêng; nắm vững hơn các kỹ năng, thái độ cần có của một nhân viên hay một người quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ du lịch. Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng đó trong công việc của mình sau này.

56. Khóa luận tốt nghiệp

6TC

Nội dung: thực hiện theo yêu cầu của Khoa, Bộ môn và giảng viên hướng dẫn.

57. Quản trị chiến lược du lịch

3TC

Học phần Quản trị chiến lược du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan quản trị chiến lược du lịch, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp du lịch; viễn cảnh sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp du lịch, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch, chiến lược cấp doanh nghiệp; chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng, lựa chọn và tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá và điều chỉnh chiến lược; chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

58. Tài nguyên và kinh doanh du lịch

3TC

Học phần Tài nguyên và kinh doanh du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên và kinh doanh du lịch, các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, định hướng và các giải pháp nhằm khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng phát triển bền vững.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số	Diện	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy
-----------	-------------------	-----------	-------------	---

		lượng	tích (m ²)	Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống lóa	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng máy 702	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				chủ				
4	Phòng máy 704	1	103	Máy chiếu đa năng Sony	1	2016	Các môn tin học	103
				Máy vi tính DELL	66	2016		
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
5	Phòng máy 705	1	103	Máy chiếu đa năng Sony	1	2016	Các môn tin học	103
				Máy vi tính DELL	40	2016		
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
6	Phòng máy 706	1	103	Máy chiếu đa năng Sony	1	2016	Các môn tin học	103
				Máy vi tính DELL	40	2016		
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy chiếu đa năng Sony	1	2016	Các môn tin học	103
				Máy vi tính DELL	49	2016		
				Máy chủ Server	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ				
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103

c. Thông tin Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
6	Tiếng Anh 1	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005) New Cutting Edge, Elementary, Harlow: Pearson Longman
7	Tiếng Anh 2	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005) New Cutting Edge – Pre-Intermediate, Harlow: Pearson Longman
8	Tiếng Anh 3	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005) New Cutting Edge – Pre-Intermediate, Harlow: Pearson Longman
9	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), Pháp luật đại cương, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), 3. Nguyễn Minh Đoan (2016), Lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội
10	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3), NXB Đại học Sư phạm 2. Phạm Quang Huy (2019), Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu, Nhà xuất bản Thanh niên 3. Phạm Quang Hiền, Phạm Phương Hoa (2019), Giáo trình thực hành Excel, Nhà xuất bản Thanh niên

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
11	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), Giáo trình Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản xây dựng 2. Vũ Kim Dung, Nguyễn Văn Công (2014), Giáo trình kinh tế học (tập 1), Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân
12	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), GT Kinh tế vĩ mô, NXB Lao động – Xã hội 2. Nguyễn Văn Ngọc (2016), Bài giảng Kinh tế vĩ mô, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
13	Kinh tế số	1. TS Đặng Thị Việt Đức (2020), GT Kinh tế số thực trạng và hướng phát triển tại Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
14	Khởi sự kinh doanh	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Lưu Đan Thọ (2016), Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh, NXB Tài chính
15	Toán kinh tế	1. Phùng Duy Quang (chủ biên)-Nguyễn Dương Nguyễn (2012), Toán cao cấp ứng dụng trong phân tích kinh tế, Nhà xuất bản Sư phạm. 2. Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price, 2020, Giải tích cho kinh doanh, kinh tế học, khoa học sự sống và xã hội, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
16	Tổng quan du lịch	1. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học kinh tế quốc dân 3. Trần Thị Mai (2008), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động – Xã hội

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
17	Tài chính Tiền tệ	1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2011), Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, NXB Tài chính 2. Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn (2018), Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Lê Thị Mận (2014), Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, NXB Lao động Xã hội
18	Quản trị học	1. Nguyễn Hoàn (2019), Giáo trình Quản trị học, NXB Khoa học và kỹ thuật 2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), Quản trị học, NXB Văn hóa - Nghệ thuật
19	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội 2. Bộ Tài chính (2015), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính 3. Phan Đức Dũng (2014), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực, NXB Thống kê
20	Điểm đến du lịch	1. Bùi Thị Hải Yến (2005), Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục 2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), Địa lý du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Phi Hạnh (2015), Giáo trình địa lý các châu lục - Tập 1: Những vấn đề địa lý toàn cầu, Châu Phi, Châu Âu và Châu Mỹ, NXB Đại học sư phạm.
21	Đạo đức nghề nghiệp	1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Dương Thị Liễu (2013), Giáo trình văn hóa kinh doanh, Nxb Đại học kinh tế quốc dân. 3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2008), Đạo đức học Mác – Lênin, NXB chính trị quốc gia

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
22	Tiếng Anh chuyên ngành	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh Đức Hùng, Nguyễn Tiến Dũng (2018), Tiếng Anh chuyên ngành du lịch – khách sạn, NXB Giáo dục Việt Nam 2. Dubicka, Iwonna (2018), English for international Tourism, Singapore: Pearson 3. Weaver, David (2014), <i>Tourism Management</i>, Australia: Wiley.
23	Quản trị doanh nghiệp du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, Vũ Đức Minh, Trần Thị Phùng (2008), Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch, NXB Thống kê
24	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, NXB Tài chính 2. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học và Kỹ thuật
25	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB đại học quốc gia Hà Nội 3. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2011), Quản trị tác nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
26	Quản trị chất lượng du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Xuân Hậu (2011), Giáo trình Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, NXB Thống kê 2. Nguyễn Đình Phan (2005), Quản lý chất lượng trong các tổ chức, NXB Lao động xã hội 3. Phan Thăng (2009), Quản trị chất lượng, NXB Thống kê
27	Quản trị lễ tân	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Thị Cúc (2005), Giáo trình Lý thuyết nghiệp vụ lễ tân, NXB Hà Nội 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Trương Minh Vũ, Võ Đăng Khoa (2015), Giáo trình Nghiệp vụ lễ tân, NXB Giáo dục Việt Nam
28	Quản trị điểm đến du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2015), Giáo trình marketing du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bùi Thị Thu (2018), Giáo trình kỹ năng mềm, NXB Xây dựng. 2. Lại Thế Luyện (2014), Kỹ năng quản lý thời gian, NXB Thời đại.
30	Quản lý nhà nước về du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 2. Quốc hội (2017), Luật du lịch, Hà Nội 3. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn, NXB Lao động – Xã hội
31	Tham quan nhận thức 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 2. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Bùi Thị Hải Yến (2005), Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
32	Tham quan nhận thức 2	1. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
33	Thực tập nghề nghiệp 1	1. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch, NXB Thống kê
34	Thực tập nghề nghiệp 2	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động 3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
35	Thực tập nghề nghiệp 3	1. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch, NXB Thống kê 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 3. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động
36	Marketing du lịch	1. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2005), Marketing du lịch, NXB Thành phố Hồ Chí Minh 2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), Giáo trình marketing du lịch, NXB Lao động – Xã hội 3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình marketing căn bản, ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
37	Tâm lý khách hàng du lịch	1. Phan Thị Dung (2010), Tâm lý du khách, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2. Trần Thị Thu Hà (2005), Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch, NXB Hà Nội 3. Thái Trí Dũng (2012), Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Lao động – Xã hội
38	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), Giáo trình quản trị nhân lực căn bản, NXB Thống kê 2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), Quản trị nhân lực, NXB Đại học kinh tế quốc dân 3. Trần Kim Dung (2015), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Tổng hợp TPHCM
39	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	1. Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (2020), NXB Tư Pháp 2. Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (2019), NXB Chính trị quốc gia Sự Thật 3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2015), Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch, NXB Lao Động
40	Văn hóa ẩm thực	1. Nguyễn Thị Bấy, Trần Quốc Vượng (2010), Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn, NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa 2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2016), Ẩm thực Việt Nam và thế giới, NXB Phụ nữ 3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
41	Kinh tế du lịch	1. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2009), Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Đỉnh Thị Thư (2005), Kinh tế du lịch-khách sạn, NXB Hà Nội 3. Trần Minh Nguyệt (2020), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
42	Quản lý đại lý lữ hành	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 3. Trần Thị Mai (2008), Giáo trình tổng quan du lịch, NXB Lao động - Xã hội
43	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (1996), Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB TP.HCM 2. Phan Kế Bính (2017), Việt Nam phong tục, NXB Văn học 3. Phan Ngọc (1998), Bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa thông tin
44	Hướng dẫn du lịch	1. Bùi Thanh Thủy (2009), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội 2. Đinh Trung Kiên (2008), Giáo trình nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội 3. Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương (2000), Hướng dẫn du lịch, NXB Thống Kê
45	Du lịch sinh thái	1. Lê Huy Bá (2006), Du lịch sinh thái, NXB Khoa học và kỹ thuật 2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Phạm Trung Lương (2002), Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, NXB Giáo dục
46	Du lịch văn hóa Việt Nam	1. Trần Thúy Anh (2011), Giáo trình Du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ, NXB Giáo dục Việt Nam 2. Trần Quốc Vượng (2017), Cơ sở Văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam 3. PGS.TS. Hoàng Văn Thanh (2014), Giáo trình văn hóa du lịch, NXB Chính trị quốc gia

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
47	Quản trị sự kiện	1. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội, NXB Lao động - Xã hội 2. Lưu Văn Nghiêm (2012), Tổ chức sự kiện, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
48	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Phan Võ Thu Tâm, Hà Văn Hùng (2015), Giáo trình Nghiệp vụ lữ hành, NXB Giáo dục Việt Nam
49	Quản trị kinh doanh khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch; nhà hàng; khách sạn, NXB Lao động – Xã hội 3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2015), Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch, NXB Lao động
50	Thương mại điện tử	1. PGS. TS Nguyễn Việt Khôi (2020), Thương mại điện tử, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2. Trần Văn Hòe (2015), Thương mại điện tử căn bản, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
51	Du lịch bền vững	1. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), Du lịch bền vững, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2. Bùi Thị Hải Yến (2011), Tài nguyên du lịch, NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Văn Đính (2009), Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
52	Du lịch MICE	1. Sơn Hồng Đức (2011), Đường vào kinh doanh du lịch Mice, NXB Lao động – Xã hội
53	Quản trị quan hệ khách hàng	1. Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), Quản trị quan hệ khách hàng: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam, NXB Tài chính. 2. Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016),

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Marketing mối quan hệ và Quản trị quan hệ khách hàng: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam, NXB Tài chính
54	Lễ tân ngoại giao	<ol style="list-style-type: none"> 1. Louis Dussault, dịch Lê Hồng Phấn, Dương Văn Quảng, Nguyễn Quang Chiến (2011), Lễ tân công cụ giao tiếp, NXB chính trị quốc gia – Sự thật 2. Vũ Dương Huân (2015), Ngoại giao và công tác ngoại giao, NXB Chính trị Quốc gia
55	Thực tập tốt nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Xuân Hậu (2011), Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, NXB Thống kê 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 3. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch, NXB Thống kê
56	Quản trị chiến lược du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ngô Kim Thanh (2015), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Fredr. David (2012), Khái luận về Quản trị chiến lược, NXB thống kê 3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống, NXB Phương Đông 4. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (2015), Giáo trình tổng quan du lịch, NXB Giáo dục Việt Nam
57	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bùi Thị Hải Yến (2011), Tài nguyên du lịch, NXB Giáo dục Việt Nam 2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), Kinh tế du lịch: Giáo trình, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Tiến sỹ Quản trị nhân lực	Khoa Kinh tế TNMT
2	Bùi Thị Thu	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
3	Phan Thị Minh Lý	Phó giáo sư, Tiến sĩ	TS kinh tế (khoa học quản lý)	Khoa Kinh tế TNMT
4	Đặng Hữu Mạnh	Thạc sĩ	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
5	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Khoa Kinh tế TNMT
6	Đỗ Thị Ngân	Thạc sĩ	ThS Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
7	Khuất Thị Nga	Tiến sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
8	Đỗ Minh Anh	Thạc sĩ	Thạc sĩ triết học	Khoa Lý luận chính trị
9	Mai Ngọc Diệu	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương
10	Ngô Thị Hà	Thạc sĩ	Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học tiếng anh	Bộ môn Ngoại ngữ
11	Nguyễn Anh	Thạc sĩ	Thạc sĩ Khoa Học	Khoa Khoa học đại cương
12	Nguyễn Danh Nam	Tiến sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
13	Nguyễn Đức Dương	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
14	Đào Thị Thương	Thạc sĩ	ThS thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
15	Đỗ Thị Phương	Thạc sĩ	ThS Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
16	Lê Văn Viễn	Thạc sĩ	ThS Quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
17	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	ThS Thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
18	Nguyễn Minh Tuấn	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
19	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	TS Kinh tế học	Khoa Lý luận chính trị

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
20	Nguyễn Khánh Ly	Thạc sĩ	ThS Tài chính - ngân hàng	Khoa Kinh tế TNMT
21	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thạc sĩ	Thạc sĩ Kế toán	Khoa Kinh tế TNMT
22	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Thạc sĩ QTKD	Khoa Kinh tế TNMT
23	Nguyễn Thị Thủy	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
24	Nguyễn Văn Dung	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
25	Nguyễn Vũ Phi Công	Thạc sĩ	ThS Quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
26	Phạm Thị Ngoan	Thạc sĩ	ThS. Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
27	Phùng Thị Kim Yến	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương
28	Trần Đình Trình	Thạc sĩ	ThS Kinh tế nông nghiệp	Khoa Kinh tế TNMT
29	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TNMT
30	Vũ Thị Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế TNMT
31	Vũ Thị Thảo	Thạc sĩ	ThS Quản trị nhân lực	Khoa Kinh tế TNMT
32	Vũ Thị Thùy Dung	Thạc sĩ	Thạc sĩ Luật Hình sự và TTHS	Khoa Lý luận chính trị
33	Vũ Thúy Hà	Tiến sĩ	TS Kinh tế	Khoa Kinh tế TNMT
34	Chu Lâm Sơn	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Khoa Kinh tế TNMT
35	Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	Quản lý công	Khoa Kinh tế TNMT
36	Đặng Đức Chính	Thạc sĩ	Thạc sĩ QLGD/ThS Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
37	Cao Mai Hạnh	Thạc sĩ	Ngôn Ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập

lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục).

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Chương trình đào tạo của trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Chương trình đào tạo của trường Đại học Thương mại
- Chương trình đào tạo của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
- Chương trình đào tạo của trường Đại học Griffith University (Úc)
- CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trường Đại học London Metropolitan University (Vương quốc Anh)
- Chương trình đào tạo của trường Đại học Mahatma Gandhi University (Ấn Độ)
- Chương trình đào tạo của trường Đại học Rangsit, Thái Lan

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Vũ Danh Tuyên

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Hoàn